

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **28**/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-4-2022

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Đạt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ván

Bà Ngô Thị Thúy Nga

-Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy-Thư ký TAND huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư-Kiểm sát viên.

Ngày 19-4-2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/2021/TLST-HNGĐ ngày 15/11/2021 V/v “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/3/2022, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Trần Thị Nhã A, sinh năm 1992; nơi cư trú: Tổ 1, ấp 2, xã 3, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; (vắng mặt)

-Bị đơn: Ông Đỗ Văn B, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ 1, ấp 2, xã 3, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Nhã A trình bày:

Về hôn nhân: Bà A và ông B tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2020, được Ủy ban nhân dân xã 3 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 106 ngày 31/8/2020. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức hỏi cưới. Sau khi lấy nhau vợ chồng về chung sống tại tổ 1, ấp 2, xã 3, huyện Xuyên Mộc, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm

trọng. Nguyên nhân do ông B cờ bạc, nợ nần nhiều người, dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, chung sống không còn hạnh phúc nên tự bỏ nhà đi, không còn chăm lo cho vợ con; từ tháng 4/2021 đến nay bà A và ông B đã ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc và hòa giải được với nhau. Nhận thấy vợ chồng không tìm được tiếng nói chung khiến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà A và ông B không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Đỗ Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông B.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy định của BLTTDS, tuy nhiên bị đơn không chấp hành theo triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Về yêu cầu của nguyên đơn thì thấy, hôn nhân giữa bà A và ông B là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp, có cơ sở xác định giữa hai bên có mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống, hai bên đã ly thân, trong thời gian ly thân hai bên không hòa giải để hàn gắn tình cảm với nhau được, vì thế hai bên không thể về chung sống hạnh phúc bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:* Bà A yêu cầu ly hôn với ông B, không yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản; ông B có địa chỉ cư trú tại Huyện Xuyên Mộc. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS, HĐXX xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Xuyên Mộc.

[1.2] *Về người tham gia tố tụng:* Bị đơn ông B đã được Tòa án tổng đạt Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy

định nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; bà A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ quy định tại các Điều 173, 177, 179, 227 và Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về hôn nhân:* Bà A và ông B có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã 3 cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (BL 06), theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa bà A, ông B là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] *Về yêu cầu ly hôn:* Theo bà A trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do ông B cờ bạc, nợ nần nhiều người, dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, chung sống không còn hạnh phúc nên tự bỏ nhà đi, không còn chăm lo cho vợ con; từ tháng 4/2021 đến nay bà A và ông B đã ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc và hòa giải được với nhau. Ông B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, chứng tỏ ông B không có thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn gia đình, hàn gắn tình cảm vợ chồng và duy trì cuộc sống chung với bà A. Theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì “*vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”; bà A và ông B đã ly thân, không còn sống chung nhà, mạnh ai người đó sống, không được ông B giúp đỡ, chia sẻ; cho thấy, mâu thuẫn của vợ chồng đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông B.

[2.3] *Về nuôi con chung:* Bà A và ông B không có con chung.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Do bà A không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, quyết định.

[2.5] *Về tài liệu chứng cứ:* Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 BLTTDS nên được chấp nhận.

Theo quy định khoản 2 và 4 Điều 91 BLTTDS ông B có nghĩa vụ đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền lợi của mình; ông B được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không cung cấp chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn là từ bỏ quyền tự chứng minh để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do bị đơn ông B vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án; căn cứ quy định tại các Điều 93, 94, 95, 96 BLTTDS, HĐXX chỉ xem xét theo lời trình bày và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập.

[3] *Về án phí*: Đối với vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị*: Các đương sự và Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của BLTTDS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Các Điều 19, 51, 56, 57, 59, 60 Luật Hôn nhân và gia đình;

-Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 173, 177, 179, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Nhã A đối với ông Đỗ Văn B.

1.1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Nhã A được ly hôn với ông Đỗ Văn B.

1.2. Về con chung: Bà Trần Thị Nhã A và ông Đỗ Văn B không có con chung.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

- Bà Trần Thị Nhã A phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010581 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc. Bà A đã nộp đủ án phí.

- Ông Đỗ Văn B không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: **VKSND cùng cấp** được quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày; VKSND cấp trên được quyền kháng nghị trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19-4-2022); nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. *Về thi hành án*: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Chi Cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã 3 (CNKH 106 ngày 31/8/2020);
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Đạt